

Kính gửi:

- Phòng CT HSSV
- Các khoa, Bộ môn

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

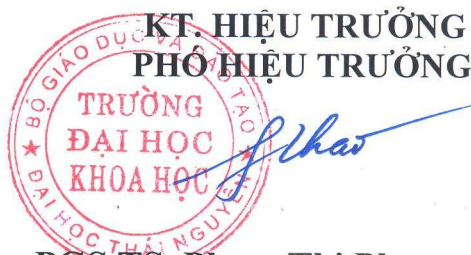
Để chuẩn bị cho họp Hội đồng xét học vụ cho học kì I năm học 2016 – 2017, Nhà trường lập danh sách sinh viên thuộc diện buộc thôi học và cảnh báo học tập đối với khóa 11,12,13,14 và đề nghị:

1. Phòng CT – HSSV khóa hệ thống những sinh viên đã thôi học, cung cấp danh sách những sinh viên bảo lưu học kì II năm học 2015 – 2016 và học kì I năm học 2016 – 2017 (nếu có), phối hợp với phòng Đào tạo rà soát lại danh sách dự kiến buộc thôi học.

2. Các Khoa, bộ môn: Rà soát kỹ danh sách sinh viên thuộc diện buộc thôi học. Những sinh viên này nếu muốn tiếp tục theo học, phải có đơn xin cứu xét để Hội đồng xét học vụ xem xét và giải quyết. Các Khoa, bộ môn thu đơn xin cứu xét của sinh viên và nộp cho phòng Đào tạo trước ngày 22/3/2017.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Edocman, Website;
- Lưu: ĐT, VT.



PGS.TS. Phạm Thị Phương Thái

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT BUỘC THÔI HỌC SV K11

1/ ĐIỀU KIỆN:

Buộc thôi học: Điểm TBC học kì 2 năm 2015-2016 = 0 và điểm TBC học kì 1 năm 2016-2017 = 0

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBCTK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1353201010077	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Báo chí K11	0	0	0	0	1.52	65	2.11	Buộc thôi học	
2	DTZ1353201010023	NÔNG THỊ NGOAN	Báo chí K11	0	0	0	0	1.38	73	1.70	Buộc thôi học	
3	DTZ1357601010089	HOÀNG VĂN CHÍNH	Công tác xã hội K11	0	0	0	0	1.04	47	1.55	Buộc thôi học	
4	DTZ1357601010079	TRIỆU THU HƯỜNG	Công tác xã hội K11	24	0	0	0	1.11	68	1.79	Buộc thôi học	
5	DTZ1357601010064	ĐẶNG THÙY LINH	Công tác xã hội K11	19	0	0	0	1.72	61	2.39	Buộc thôi học	
6	DTZ1357601010149	SÙNG THỊ MỸ	Công tác xã hội K11	30	0	0	0	1.09	58	1.71	Buộc thôi học	
7	DTZ1357601010104	NGUYỄN VĂN TUÂN	Công tác xã hội K11	22	0	0	0	0.65	51	1.37	Buộc thôi học	
8	DTZ1357601010102	PHẠM NGỌC TUYẾN	Công tác xã hội K11	0	0	0	0	0.47	27	1.33	Buộc thôi học	
9	DTZ1354401120073	LÊ TRUNG ĐỨC	Hóa học K11	14	0	23	0	1.10	61	2.08	Buộc thôi học	
10	DTZ1354401120040	LỤC VĂN KHIÊM	Hóa học K11	9	0	0	0	0.92	41	1.71	Buộc thôi học	
11	DTZ1354403010114	HOÀNG THỊ THÚY HUƠNG	Khoa học Môi trường K11	23	0	0	0	0.80	37	1.76	Buộc thôi học	
12	DTZ1354403010089	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Khoa học Môi trường K11	0	0	0	0	1.95	77	2.13	Buộc thôi học	
13	DTZ1354403010047	NGUYỄN MINH TUÂN	Khoa học Môi trường K11	19	0	22	0	0.91	62	1.69	Buộc thôi học	
14	DTZ1353404010068	TÔ THỊ VI NHUNG	Khoa học quản lí K11	0	0	0	0	1.71	76	2.05	Buộc thôi học	
15	DTZ1353801010080	ÂU THỊ ÁNH	Luật K11	0	0	0	0	1.82	60	2.18	Buộc thôi học	
16	DTZ1353801010115	HOÀNG VĂN DONG	Luật K11	0	0	15	0	1.47	83	1.82	Buộc thôi học	
17	DTZ1353801010114	VÀNG THỊ GIANG	Luật K11	0	0	0	0	1.04	18	1.56	Buộc thôi học	
18	DTZ1353801010088	DƯƠNG CÔNG THỊNH	Luật K11	3	0	0	0	0.9	39	1.69	Buộc thôi học	
19	DTZ1358501010117	MA VĂN HUỲNH	Quản lý tài nguyên môi trường K11	0	0	0	0	0.88	49	1.53	Buộc thôi học	
20	DTZ1358501010047	HÀ THỊ HUYỀN	Quản lý tài nguyên môi trường K11	0	0	0	0	1.44	77	1.70	Buộc thôi học	
21	DTZ1354201010011	HOÀNG THỊ THÚY VÂN	Sinh học K11	0	0	0	0	1.3	59	1.78	Buộc thôi học	
22	DTZ1354601010002	LƯƠNG THÙY DƯƠNG	Toán học K11	9	0	0	0	0.55	27	1.70	Buộc thôi học	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT BUỘC THÔI HỌC SV K12

1/ ĐIỀU KIỆN:

Buộc thôi học: Điểm TBC học kì 2 năm 2015-2016 = 0 và điểm TBC học kì 1 năm 2016-2017 = 0

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1453201010033	LÝ THỊ HIỆN	Báo chí K12	0	0	0	0	1.82	51	1.82	Buộc thôi học	
2	DTZ1453201010041	NGUYỄN MAI QUỲNH	Báo chí K12	3	0	0	0	1.41	39	1.77	Buộc thôi học	
3	DTZ1457601010064	NÔNG THỊ BIỂU	Công tác xã hội K12	16	0	3	0	1.43	50	1.98	Buộc thôi học	
4	DTZ1457601010099	LƯƠNG NAM GIANG	Công tác xã hội K12	16	0	3	0	0.8	33	1.67	Buộc thôi học	
5	DTZ1457601010050	NGUYỄN THỊ LAN	Công tác xã hội K12	14	0	3	0	0.75	30	1.60	Buộc thôi học	
6	DTZ1457601010070	VI VĂN TUÂN	Công tác xã hội K12	16	0	3	0	0.91	38	1.66	Buộc thôi học	
7	DTZ1455104030010	NGUYỄN HIỀN LINH	Hóa dược K12	15	0	0	0	0.98	37	1.76	Buộc thôi học	
8	DTZ1455104030029	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	Hóa dược K12	0	0	0	0	1.35	31	2.13	Buộc thôi học	
9	DTZ1454403010030	HOÀNG VĂN CƯƠNG	Khoa học Môi trường K12	0	0	0	0	1.78	29	2.21	Buộc thôi học	
10	DTZ1453404010053	LONG THỊ ĐAN	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.28	31	1.90	Buộc thôi học	
11	DTZ1453404010109	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.44	29	1.69	Buộc thôi học	
12	DTZ1453404010007	BÙI THỊ KHÁNH LY	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.91	38	2.21	Buộc thôi học	
13	DTZ1453404010002	BÙI HỒNG PHÚC	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.21	34	1.88	Buộc thôi học	
14	DTZ1453404010091	NGUYỄN ANH SƠN	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	0.96	33	1.64	Buộc thôi học	
15	DTZ1453404010054	TRIỆU TUẤN THÀNH	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.23	37	1.76	Buộc thôi học	
16	DTZ1453404010096	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	2.2	46	2.35	Buộc thôi học	
17	DTZ1453404010113	HÀ THANH TÙNG	Khoa học quản lí K12	0	0	0	0	1.81	47	2.04	Buộc thôi học	
18	DTZ1452203100002	SÙNG THỊ CHÁU	Lịch sử K12	0	0	0	0	1.38	28	2.07	Buộc thôi học	
19	DTZ1452203100015	PHÙNG XÁ MINH	Lịch sử K12	4	0	0	0	0	0	0.00	Buộc thôi học	
20	DTZ1453801010154	NÔNG THỊ MINH ANH	Luật K12	0	0	21	0	1.25	45	1.78	Buộc thôi học	
21	DTZ1458501010082	PHAN HOÀNG DƯƠNG	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	16	0	0	0	0.17	9	1.22	Buộc thôi học	
22	DTZ1458501010107	LƯƠNG XUÂN HỮU	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	7	0	14	0	0.36	18	1.33	Buộc thôi học	
23	DTZ1458501010008	NGUYỄN NHẬT LINH	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	16	0	0	0	0.83	36	1.58	Buộc thôi học	
24	DTZ1458501010084	LONG THỊ HỒNG NHUNG	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	21	0	5	0	0.17	10	1.20	Buộc thôi học	
25	DTZ1358501010091	TẠ QUANG TRƯỜNG	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	0	0	0	0	1.08	37	1.46	Buộc thôi học	
26	DTZ1455281020009	THẠCH THỊ SANG	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K12	0	0	0	0	1.97	33	2.27	Buộc thôi học	
27	DTZ1455281020019	NGUYỄN THỊ THƠM	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K12	20	0	0	0	0.94	35	1.86	Buộc thôi học	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
28	DTZ1452203300016	LÒ THỊ DIỆP	Văn học K12	17	0	0	0	1.16	42	1.88	Buộc thôi học	
29	DTZ1452203300036	ĐOÀN THỊ HẠNH	Văn học K12	0	0	0	0	1.16	40	1.48	Buộc thôi học	
30	DTZ1452203300001	HOÀNG QUANG TRUNG	Văn học K12	0	0	0	0	1.12	39	1.46	Buộc thôi học	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT BUỘC THÔI HỌC SV K13

1/ ĐIỀU KIỆN:

Buộc thôi học: Điểm TBC học kì 2 năm 2015-2016 = 0 và điểm TBC học kì 1 năm 2016-2017 = 0

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1553201010011	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	Báo chí K13	0	0	0	0	1.65	17	1.65	Buộc thôi học	
2	DTZ1553201010103	ĐỖ KHÁNH ĐÔNG	Báo chí K13	0	0	0	0	1	11	1.55	Buộc thôi học	
3	DTZ1553201010087	VŨ DIỆU HƯƠNG	Báo chí K13	17	0	0	0	1.21	17	2.41	Buộc thôi học	
4	DTZ1553201010035	LƯỠNG THỊ MỸ	Báo chí K13	0	0	0	0	1.24	10	2.10	Buộc thôi học	
5	DTZ1553201010100	HOÀNG VĂN THÀNH	Báo chí K13	0	0	0	0	1.94	17	1.94	Buộc thôi học	
6	DTZ1553201010052	LÝ PHƯƠNG THẢO	Báo chí K13	0	0	12	0	1.41	17	1.41	Buộc thôi học	
7	DTZ1553201010069	HÀ MINH TRUNG	Báo chí K13	17	0	0	0	0.74	15	1.67	Buộc thôi học	
8	DTZ1555104010006	LƯƠNG KHÁNH LY	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K13	18	0	0	0	0	0	0.00	Buộc thôi học	
9	DTZ1555104010009	LÝ ĐỨC THẮNG	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K13	18	0	0	0	0.37	10	1.30	Buộc thôi học	
10	DTZ1557601010122	NGUYỄN THỊ BÍCH	Công tác xã hội K13 - A	0	0	0	0	1.94	16	1.94	Buộc thôi học	
11	DTZ1557601010011	DƯƠNG HẢI CHÂU	Công tác xã hội K13 - A	13	0	0	0	0.66	9	2.11	Buộc thôi học	
12	DTZ1557601010016	HOÀNG VĂN ĐÁ	Công tác xã hội K13 - A	0	0	0	0	1	9	1.78	Buộc thôi học	
13	DTZ1557601010127	HÀNG A SỞ	Công tác xã hội K13 - A	0	0	0	0	1.29	14	1.29	Buộc thôi học	
14	DTZ1557601010079	LÒ THỊ THÂN	Công tác xã hội K13 - A	0	0	0	0	1.75	16	1.75	Buộc thôi học	
15	DTZ1557601010121	TRẮNG A TRINH	Công tác xã hội K13 - A	0	0	0	0	0.94	11	1.36	Buộc thôi học	
16	DTZ1557601010008	LÝ THỊ CHA	Công tác xã hội K13 - B	11	0	0	0	0.67	16	1.13	Buộc thôi học	
17	DTZ1557601010041	VI VĂN KHÁNH	Công tác xã hội K13 - B	0	0	0	0	0.94	7	2.14	Buộc thôi học	
18	DTZ1557601010124	NÔNG THANH TUYỀN	Công tác xã hội K13 - B	0	0	0	0	2.31	16	2.31	Buộc thôi học	
19	DTZ1557204030008	NGUYỄN THỊ HIỀN	Hóa dược K13	0	0	0	0	0.59	10	1.00	Buộc thôi học	
20	DTZ1557204030024	PHÀNG A PÁO	Hóa dược K13	0	0	0	0	0.35	6	1.00	Buộc thôi học	
21	DTZ1557204030041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	Hóa dược K13	17	0	0	0	0.29	10	1.00	Buộc thôi học	
22	DTZ1557204030039	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG TRANG	Hóa dược K13	0	0	0	0	0.18	3	1.00	Buộc thôi học	
23	DTZ1554403010014	HÀ QUANG LINH	Khoa học Môi trường K13	0	0	0	0	0.88	7	2.00	Buộc thôi học	
24	DTZ1553202020005	HÀ THỊ THOA	Khoa học thư viện K13	0	0	0	0	0.73	7	1.57	Buộc thôi học	
25	DTZ1553202020006	NGUYỄN THỊ TRANG	Khoa học thư viện K13	16	0	0	0	0.77	13	1.85	Buộc thôi học	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
26	DTZ1553202020007	HOÀNG ANH VŨ	Khoa học thư viện K13	16	0	0	0	0.06	2	1.00	Buộc thôi học	
27	DTZ1553801010024	ĐÀO HẢI ĐĂNG	Luật K13 - B	0	0	0	0	1.47	10	2.20	Buộc thôi học	
28	DTZ1553801010257	LÝ HOÀI LINH	Luật K13 - C	13	0	0	0	0.79	11	2.00	Buộc thôi học	
29	DTZ1553801010037	NGUYỄN CÔNG ĐÔNG	Luật K13 - D	15	0	0	0	0.97	15	1.93	Buộc thôi học	
30	DTZ1553801010056	LÊ NGÂN HÀ	Luật K13 - D	15	0	0	0	0.7	15	1.40	Buộc thôi học	
31	DTZ1553801010126	PHẠM DIỆU LINH	Luật K13 - D	20	0	16	0	0.47	8	1.75	Buộc thôi học	
32	DTZ1555281020042	NÔNG VĂN ĐÔNG	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	0	0	0	0	1.41	14	1.71	Buộc thôi học	
33	DTZ1554601010004	VŨ THỊ BÍCH	Toán học K13	0	0	0	0	1.73	11	2.36	Buộc thôi học	
34	DTZ1554601010005	NGUYỄN THỊ ĐÀO	Toán học K13	0	0	0	0	1.8	15	1.80	Buộc thôi học	
35	DTZ1554601010016	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	Toán học K13	0	0	0	0	1.53	11	2.09	Buộc thôi học	
36	DTZ1552203300001	MA THỊ LAN ANH	Văn học K13	16	0	0	0	0.66	13	1.62	Buộc thôi học	
37	DTZ1552203300005	TRẦN THỊ THANH HẢO	Văn học K13	12	0	0	0	0.43	12	1.00	Buộc thôi học	
38	DTZ1552203300028	LÙ THỊ HOAN	Văn học K13	0	0	0	0	1.81	14	2.07	Buộc thôi học	
39	DTZ1552203300016	ĐẶNG QUỐC TOÀN	Văn học K13	16	0	0	0	0.81	16	1.63	Buộc thôi học	
40	DTZ1552203300017	HÀ HOÀNG DIỆU TRÀ	Văn học K13	0	0	0	0	0.88	14	1.00	Buộc thôi học	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP SV K11

1/ ĐIỀU KIỆN:

Cảnh báo học tập: Điểm TBC học kì 1 năm học 2016-2017 dưới 0.8

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1253201010092	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Báo chí K11	25	2.40	0	0	1.39	71	2.01	Cảnh báo học tập	
2	DTZ1355104010036	NGUYỄN BẢO TRUNG	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K11	26	0.77	0	0	1.00	63	1.76	Cảnh báo học tập	
3	DTZ1354202010094	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	Công nghệ sinh học K11	25	1.00	27	0.22	0.79	60	1.53	Cảnh báo học tập	
4	DTZ1354202010032	LÊ THẾ NAM	Công nghệ sinh học K11	24	1.88	0	0	1.86	79	2.11	Cảnh báo học tập	
5	DTZ1354202010031	VŨ MINH THỦY	Công nghệ sinh học K11	5	3.00	0	0	1.41	30	2.17	Cảnh báo học tập	
6	DTZ1357601010140	ĐOÀN HẢI ĐẠT	Công tác xã hội K11	26	1.15	12	0.75	1.17	67	2.13	Cảnh báo học tập	
7	DTZ1357601010067	CHU PÓ TỰ	Công tác xã hội K11	30	1.80	21	0.43	1.57	84	2.20	Cảnh báo học tập	
8	DTZ1354402170039	PHÍ ĐĂNG HIẾU	Địa lí K11	25	1.24	22	0	1.18	73	1.93	Cảnh báo học tập	
9	DTZ1354401120084	NGUYỄN THỊ THU ANH	Hóa học K11	23	0.48	0	0	0.91	62	1.63	Cảnh báo học tập	
10	DTZ1354403010003	TRẦN NAM ANH	Khoa học Môi trường K11	17	1.12	15	0.4	0.65	45	1.60	Cảnh báo học tập	
11	DTZ1354403010135	LÒ NGỌC CHUNG	Khoa học Môi trường K11	27	0.33	15	0	0.42	33	1.42	Cảnh báo học tập	
12	DTZ1354403010167	HOÀNG THỊ DIJU	Khoa học Môi trường K11	20	3.60	0	0	3.14	56	3.14	Cảnh báo học tập	
13	DTZ1354403010171	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Khoa học Môi trường K11	25	3.00	0	0	3.02	56	3.02	Cảnh báo học tập	
14	DTZ1354403010168	LÊ QUANG HẢI	Khoa học Môi trường K11	20	3.05	0	0	3.02	56	3.02	Cảnh báo học tập	
15	DTZ1353404010137	LƯƠNG ĐÌNH KIẾN	Khoa học quản lí K11	31	1.26	0	0	1.53	95	1.76	Cảnh báo học tập	
16	DTZ1354201010050	LÝ THỊ QUYÊN	Sinh học K11	22	0.91	0	0	1.72	96	1.92	Cảnh báo học tập	
17	DTZ1354601010005	TRƯƠNG VĂN HỮU	Toán học K11	36	0.83	8	0	0.72	46	1.65	Cảnh báo học tập	
18	DTZ1354601010042	HÀ HỒNG NGỌC	Toán học K11	32	1.28	0	0	1.28	74	1.81	Cảnh báo học tập	
19	DTZ1354601010106	LẠC VĂN THỨC	Toán học K11	35	1.23	5	0	0.79	35	1.89	Cảnh báo học tập	
20	DTZ1354601120029	CAO BÁ DINH	Toán- Tin ứng dụng K11	37	1.00	8	0	0.90	59	1.53	Cảnh báo học tập	
21	DTZ1352203300053	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	Văn học K11	19	1.26	0	0	1.13	53	1.83	Cảnh báo học tập	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP SV K12

1/ ĐIỀU KIỆN:

Cảnh báo học tập: Điểm TBC học kì 1 năm học 2016-2017 dưới 0.8

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1453201010059	NGUYỄN THANH DŨNG	Báo chí K12	18	2.00	0	0.00	1.38	51	1.86	Cảnh báo học tập	
2	DTZ1453201010012	CHU TÚ MAI	Báo chí K12	20	1.65	0	0.00	1.46	54	1.87	Cảnh báo học tập	
3	DTZ1453201010008	LÊ THỊ HOÀI PHƯƠNG	Báo chí K12	18	0.33	0	0.00	0.84	36	1.61	Cảnh báo học tập	
4	DTZ1454202010024	PHẠM TRUNG HIẾU	Công nghệ sinh học K12	28	0.46	17	0.12	0.30	19	1.32	Cảnh báo học tập	
5	DTZ1454202010004	ĐOÀN VĂN HÙNG	Công nghệ sinh học K12	27	0.70	0	0.00	0.67	34	1.18	Cảnh báo học tập	
6	DTZ1454202010033	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	Công nghệ sinh học K12	28	1.57	0	0.00	1.47	67	1.63	Cảnh báo học tập	
7	DTZ1454202010035	BÙI THỊ THẠNH	Công nghệ sinh học K12	27	0.74	16	0.69	0.84	59	1.22	Cảnh báo học tập	
8	DTZ1457601010036	CHANG A GIỒNG	Công tác xã hội K12	7	1.29	22	0.00	1.03	42	1.69	Cảnh báo học tập	
9	DTZ1457601010114	TRẦN VIỆT HOÀNG	Công tác xã hội K12	16	1.63	16	0.75	1.08	47	1.79	Cảnh báo học tập	
10	DTZ1457601010013	LƯƠNG THANH TÙNG	Công tác xã hội K12	14	1.36	19	0.32	0.63	37	1.38	Cảnh báo học tập	
11	DTZ1453404010040	ĐẶNG THỊ CHUÔNG	Khoa học quản lí K12	27	1.11	17	0.00	1.21	55	1.91	Cảnh báo học tập	
12	DTZ1453404010102	LÊ VIỆT HÀ	Khoa học quản lí K12	21	1.24	3	0.00	1.60	47	2.38	Cảnh báo học tập	
13	DTZ1453404010058	QUẢNG THỊ THẢO	Khoa học quản lí K12	23	2.30	0	0.00	2.50	68	2.57	Cảnh báo học tập	
14	DTZ1453801010121	KHƯƠNG THỊ LIÊN	Luật K12	25	0.24	23	0.22	0.36	16	1.63	Cảnh báo học tập	
15	DTZ1453801010106	HỨA NGỌC TRUNG	Luật K12	28	1.46	0	0.00	1.36	38	1.79	Cảnh báo học tập	
16	DTZ1458501010022	BÙI VIỆT ANH	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	19	0.63	0	0.00	1.17	40	2.03	Cảnh báo học tập	
17	DTZ1458501010004	ĐINH THỊ SEN	Quản lý tài nguyên và môi trường K12	18	1.28	0	0.00	1.41	59	1.64	Cảnh báo học tập	
18	DTZ1453202020017	NHỮ THUY LIÊN	Thư viện & Thiết bị trường học K12	16	0.19	17	0.00	0.40	19	1.74	Cảnh báo học tập	
19	DTZ1453202020002	LA THỊ TÝ	Thư viện & Thiết bị trường học K12	14	0.43	11	0.00	1.39	46	2.30	Cảnh báo học tập	
20	DTZ1452203300012	NGUYỄN THU HUYỀN	Văn học K12	19	1.63	0	0.00	1.45	53	1.83	Cảnh báo học tập	
21	DTZ1452203300007	HÀ THỊ NGỌC	Văn học K12	19	1.79	0	0.00	1.43	58	1.72	Cảnh báo học tập	
22	DTZ1452203300051	HÀ VŨ THUY TRANG	Văn học K12	17	0.88	22	0.55	1.03	58	1.57	Cảnh báo học tập	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP SV K13

1/ ĐIỀU KIỆN:

Cảnh báo học tập: Điểm TBC học kì 1 năm học 2016-2017 dưới 0.8

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1553201010007	TRẦN CÔNG ĐOAN	Báo chí K13	22	1.23	0	0.00	1.46	28	2.04	Cảnh báo học tập	
2	DTZ1553201010006	VŨ CÔNG ĐẠT	Báo chí K13	17	0.71	10	0.00	0.88	15	2.00	Cảnh báo học tập	
3	DTZ1553201010097	HOÀNG LINH HƯỜNG	Báo chí K13	17	0.35	0	0.00	0.72	8	2.25	Cảnh báo học tập	
4	DTZ1553201010029	NGUYỄN THỊ LINH	Báo chí K13	17	1.76	0	0.00	2.03	34	2.03	Cảnh báo học tập	
5	DTZ1553201010080	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Báo chí K13	15	1.53	0	0.00	1.72	32	1.72	Cảnh báo học tập	
6	DTZ1553201010038	NGUYỄN THẢO NHI	Báo chí K13	15	0.33	0	0.00	1.16	22	1.68	Cảnh báo học tập	
7	DTZ1553201010089	NGUYỄN QUẾ NINH	Báo chí K13	17	0.53	16	0.13	0.59	18	1.11	Cảnh báo học tập	
8	DTZ1553201010049	VÀNG VĂN THAO	Báo chí K13	22	1.23	0	0.00	1.82	32	2.22	Cảnh báo học tập	
9	DTZ1555104010012	THẢO SEO TRẮNG	Công nghệ kỹ thuật Hóa học K13	18	0.83	0	0.00	0.71	21	1.19	Cảnh báo học tập	
10	DTZ1554202010003	LÊ THỊ THÚY HẰNG	Công nghệ sinh học K13	9	1.67	0	0.00	1.92	24	1.92	Cảnh báo học tập	
11	DTZ1554202010012	HÀ THỊ HƯƠNG	Công nghệ sinh học K13	17	1.76	0	0.00	2.03	28	2.32	Cảnh báo học tập	
12	DTZ1557601010107	PHẠM ĐỨC HUY	Công tác xã hội K13 - A	6	1.00	0	0.00	1.45	20	1.60	Cảnh báo học tập	
13	DTZ1557601010067	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	Công tác xã hội K13 - A	17	0.71	19	0.00	1.21	20	2.00	Cảnh báo học tập	
14	DTZ1557601010097	LÒ VĂN QUANG	Công tác xã hội K13 - A	17	0.94	0	0.00	0.87	15	1.80	Cảnh báo học tập	
15	DTZ1557601010002	NGUYỄN THỊ MAI ANH	Công tác xã hội K13 - B	17	0.41	0	0.00	0.61	16	1.25	Cảnh báo học tập	
16	DTZ1557601010043	TỔNG MỸ LỆ	Công tác xã hội K13 - B	17	1.53	0	0.00	1.48	33	1.48	Cảnh báo học tập	
17	DTZ1557601010118	HỒ THỊ VI	Công tác xã hội K13 - B	15	1.93	0	0.00	1.65	31	1.65	Cảnh báo học tập	
18	DTZ1557601010130	LƯƠNG THỊ YẾN	Công tác xã hội K13 - B	17	2.12	0	0.00	2.23	31	2.23	Cảnh báo học tập	
19	DTZ1554402170003	NGUYỄN MINH HIẾU	Địa lí K13	16	0.25	20	0.40	0.34	11	1.00	Cảnh báo học tập	
20	DTZ1554402170012	LÒ VĂN SƠN	Địa lí K13	16	1.00	0	0.00	1.34	23	1.87	Cảnh báo học tập	
21	DTZ1557204030019	NGUYỄN THỊ THÙY NGÂN	Hóa dược K13	10	1.90	0	0.00	1.44	23	1.70	Cảnh báo học tập	
22	DTZ1553404010014	HỒ THỊ MINH HỒNG	Khoa học quản lý K13	18	0.78	16	0.56	0.90	14	1.86	Cảnh báo học tập	
23	DTZ1553404010037	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Khoa học quản lý K13	15	1.27	0	0.00	1.77	27	2.04	Cảnh báo học tập	
24	DTZ1553202020002	TẠ THỊ HƯƠNG	Khoa học thư viện K13	27	1.56	0	0.00	1.52	31	2.06	Cảnh báo học tập	
25	DTZ1552203100005	MA THỊ KHÔI	Lịch sử K13	14	1.79	0	0.00	1.66	30	1.77	Cảnh báo học tập	
26	DTZ1553801010059	MẠC THỊ THU HÀ	Luật K13 - A	19	2.53	0	0.00	2.59	34	2.59	Cảnh báo học tập	
27	DTZ1553801010328	ĐẶNG ĐỨC DUY	Luật K13 - B	21	1.14	15	0.27	0.88	14	2.00	Cảnh báo học tập	
28	DTZ1553801010248	PHẦN A ĐÁNH	Luật K13 - B	19	1.84	0	0.00	1.76	34	1.76	Cảnh báo học tập	
29	DTZ1553801010027	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Luật K13 - B	15	1.33	0	0.00	1.90	23	2.48	Cảnh báo học tập	
30	DTZ1553801010269	NGÔ THU TRANG	Luật K13 - B	16	1.88	0	0.00	1.94	25	2.40	Cảnh báo học tập	
31	DTZ1553801010019	BẾ VĂN CÔNG	Luật K13 - C	15	0.27	18	0.67	0.80	14	1.71	Cảnh báo học tập	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 2/15-16	Điểm TBC 2/15-16	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
32	DTZ1553801010063	PHẠM VĂN HẢO	Luật K13 - C	19	1.05	16	0.00	1.06	24	1.50	Cảnh báo học tập	
33	DTZ1553801010291	LỤC THỊ HẬU	Luật K13 - C	15	0.67	18	0.56	0.80	15	1.60	Cảnh báo học tập	
34	DTZ1553801010104	NGUYỄN DUY KIÊN	Luật K13 - C	12	1.67	0	0.00	1.19	16	2.00	Cảnh báo học tập	
35	DTZ1553801010048	PHẠM THẾ DUYỆT	Luật K13 - D	28	1.54	0	0.00	1.82	34	1.82	Cảnh báo học tập	
36	DTZ1553801010134	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	Luật K13 - D	15	1.07	0	0.00	1.53	25	1.84	Cảnh báo học tập	
37	DTZ1555281020022	DƯƠNG KHÁNH LINH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	17	2.06	0	0.00	2.18	31	2.39	Cảnh báo học tập	
38	DTZ1555281020028	HOÀNG THỊ OANH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K13	17	2.12	0	0.00	1.97	32	2.09	Cảnh báo học tập	
39	DTZ1554601010017	PHAN THU HUYỀN	Toán học K13	18	2.28	0	0.00	2.36	33	2.36	Cảnh báo học tập	
40	DTZ1554601010009	VY QUANG HÙNG	Toán học K13	20	0.75	19	0.32	1.23	20	2.15	Cảnh báo học tập	
41	DTZ1554601010010	LÊ LINH LAN	Toán học K13	9	1.33	0	0.00	1.75	21	2.00	Cảnh báo học tập	
42	DTZ1554601010011	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯỢNG	Toán học K13	18	0.56	19	0.00	1.09	21	1.71	Cảnh báo học tập	
43	DTZ1552203300026	LÃNG THANH HƯƠNG	Văn học K13	10	1.60	0	0.00	2.19	23	2.48	Cảnh báo học tập	
44	DTZ1552203300011	HÀU THỊ LƯƠNG	Văn học K13	16	2.19	0	0.00	2.19	27	2.59	Cảnh báo học tập	
45	DTZ1552203300031	NGUYỄN HOÀNG TUỆ	Văn học K13	10	1.00	0	0.00	1.42	19	1.95	Cảnh báo học tập	

Ghi chú:

Số TCĐK 2/15-16: Số tín chỉ đăng kí học kì 2 năm học 2015-2016

Điểm TBC 2/15-16: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2015-2016

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

DANH SÁCH DỰ KIẾN XÉT CẢNH BÁO HỌC TẬP SV K14

1/ ĐIỀU KIỆN:

Cảnh báo học tập: Điểm TBC học kì 1 năm học 2016-2017 dưới 0.8

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCDK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
1	DTZ1653201010002	NGUYỄN THỊ HỘI	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
2	DTZ1653201010010	LÊ HẢO TIỀN HOÀI	Báo chí - K14	17	0.35	0.35	6	1.00	Cảnh báo học tập	
3	DTZ1653201010033	VY THỊ THU HƯỜNG	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
4	DTZ1653201010042	HÀ THỊ DIỆP LINH	Báo chí - K14	17	0.65	0.65	8	1.38	Cảnh báo học tập	
5	DTZ1653201010001	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO MY	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
6	DTZ1653201010021	CÀ THỊ NGỌC	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
7	DTZ1653201010037	LÒ THỊ NHUNG	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
8	DTZ1653201010028	PHẠM THỊ HƯƠNG QUỲNH	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
9	DTZ1653201010018	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	Báo chí - K14	17	0.59	0.59	7	1.43	Cảnh báo học tập	
10	DTZ1653201010027	NÔNG THỊ UYÊN	Báo chí - K14	17	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
11	DTZ1653201010040	SÙNG A VU	Báo chí - K14	17	0.35	0.35	6	1.00	Cảnh báo học tập	
12	DTZ1657601010079	MUA MÍ CÂY	Công tác xã hội - K14	16	0.69	0.69	11	1.00	Cảnh báo học tập	
13	DTZ1657601010012	TRẮNG SEO CHA	Công tác xã hội - K14	16	0.69	0.69	11	1.00	Cảnh báo học tập	
14	DTZ1657601010135	GIẢNG A CHU	Công tác xã hội - K14	16	0.50	0.50	6	1.33	Cảnh báo học tập	
15	DTZ1657601010126	LÒ MẠNH CƯỜNG	Công tác xã hội - K14	16	0.63	0.63	7	1.43	Cảnh báo học tập	
16	DTZ1657601010003	PHẠM QUỐC ĐẠT	Công tác xã hội - K14	16	0.69	0.69	9	1.22	Cảnh báo học tập	
17	DTZ1657601010078	LY THỊ KHỬ	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
18	DTZ1657601010091	LÒ VĂN LIÊN	Công tác xã hội - K14	16	0.75	0.75	9	1.33	Cảnh báo học tập	
19	DTZ1657601010106	HÙNG THỊ LOAN	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
20	DTZ1657601010117	VÀNG A LONG	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
21	DTZ1657601010133	HOÀNG ANH LƯƠNG	Công tác xã hội - K14	13	0.77	0.77	8	1.25	Cảnh báo học tập	
22	DTZ1657601010056	NGUYỄN HIỀN MAI	Công tác xã hội - K14	16	0.75	0.75	10	1.20	Cảnh báo học tập	
23	DTZ1657601010074	VI THỊ NĂM	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
24	DTZ1657601010030	LÙ THỊ PHƯƠNG	Công tác xã hội - K14	16	0.56	0.56	7	1.29	Cảnh báo học tập	
25	DTZ1657601010138	PỜ HA PO	Công tác xã hội - K14	16	0.38	0.38	4	1.50	Cảnh báo học tập	
26	DTZ1657601010094	ĐIỀU VĂN SON	Công tác xã hội - K14	16	0.75	0.75	9	1.33	Cảnh báo học tập	
27	DTZ1657601010139	NGUYỄN MINH THIẾT	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
28	DTZ1657601010102	SỈ GIÁ TƯ	Công tác xã hội - K14	16	0.44	0.44	7	1.00	Cảnh báo học tập	
29	DTZ1657601010050	TÔNG THỊ VẬY	Công tác xã hội - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
30	DTZ1654402170009	LY DIU DÌU	Địa lí - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
31	DTZ1654402170008	TRẦN THỊ THÙY	Địa lí - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
32	DTZ1653404010031	GIẢNG DỪNG	Khoa học quản lý - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCDK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
33	DTZ1653404010042	NGUYỄN THỊ XUÂN HƯỜNG	Khoa học quản lý - K14	16	0.13	0.13	2	1.00	Cảnh báo học tập	
34	DTZ1653404010052	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	Khoa học quản lý - K14	14	0.43	0.43	4	1.50	Cảnh báo học tập	
35	DTZ1653404010049	LÀU A MINH	Khoa học quản lý - K14	14	0.14	0.14	2	1.00	Cảnh báo học tập	
36	DTZ1653404010032	GIÀNG NỪNG	Khoa học quản lý - K14	16	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
37	DTZ1653404010044	NGUYỄN VĂN TOÀN	Khoa học quản lý - K14	14	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
38	DTZ1653801010079	LỜ A CỬA	Luật K14 - A	15	0.53	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
39	DTZ1653801010031	LƯƠNG VĂN CÔNG	Luật K14 - A	15	0.27	0.36	4	1.00	Cảnh báo học tập	
40	DTZ1653801010015	LÒ VĂN ĐÔNG	Luật K14 - A	15	0.27	0.36	4	1.00	Cảnh báo học tập	
41	DTZ1653801010042	PHẠM ĐỨC HẢI	Luật K14 - A	15	0.00	0.00	0	0.00	Cảnh báo học tập	
42	DTZ1653801010012	ĐINH THÚY HẰNG	Luật K14 - A	15	0.60	0.82	9	1.00	Cảnh báo học tập	
43	DTZ1653801010088	NGUYỄN VĂN HUỖNH	Luật K14 - A	15	0.60	0.82	7	1.29	Cảnh báo học tập	
44	DTZ1653801010019	VƯƠNG LÊ HUYỀN	Luật K14 - A	15	0.6	0.82	9	1	Cảnh báo học tập	
45	DTZ1653801010026	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Luật K14 - A	15	0.8	0.36	2	2	Cảnh báo học tập	
46	DTZ1653801010008	NGUYỄN QUANG KHẢI	Luật K14 - A	15	0.4	0.55	6	1	Cảnh báo học tập	
47	DTZ1653801010021	HOÀNG HƯƠNG LY	Luật K14 - A	15	0.33	0.45	5	1	Cảnh báo học tập	
48	DTZ1653801010076	PHẠM TIẾN MẠNH	Luật K14 - A	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
49	DTZ1653801010087	NGÔ PHƯƠNG NAM	Luật K14 - A	15	0.8	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
50	DTZ1653801010032	NGUYỄN THỊ KIM THẢO	Luật K14 - A	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
51	DTZ1653801010086	CHÁNG VĂN VIỆT	Luật K14 - A	15	0.4	0.55	6	1	Cảnh báo học tập	
52	DTZ1653801010066	VÀNG THỊ YẾN	Luật K14 - A	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
53	DTZ1653801010091	BÙI HIỀN ANH	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
54	DTZ1653801010168	ĐẶNG THỊ LAN ANH	Luật K14 - B	15	0.53	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
55	DTZ1653801010092	PHẠM HOÀNG ANH	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
56	DTZ1653801010165	BÀN KIỀU PHƯƠNG CHINH	Luật K14 - B	15	0.67	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
57	DTZ1653801010063	LÙ VĂN CHIỀU	Luật K14 - B	15	0.13	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
58	DTZ1653801010100	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
59	DTZ1653801010103	DƯƠNG HƯƠNG GIANG	Luật K14 - B	15	0.53	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
60	DTZ1653801010104	CAO VIỆT HÀ	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
61	DTZ1653801010153	NGUYỄN MINH HẰNG	Luật K14 - B	15	0.8	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
62	DTZ1653801010158	ĐINH QUANG LINH	Luật K14 - B	15	0.53	0.73	4	2	Cảnh báo học tập	
63	DTZ1653801010163	LÝ VĂN LƯƠNG	Luật K14 - B	15	0.27	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
64	DTZ1653801010175	VÀNG ÁNH MINH	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
65	DTZ1653801010121	HÀ THANH PHƯƠNG	Luật K14 - B	15	0.4	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
66	DTZ1653801010124	NGUYỄN THÁI SƠN	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
67	DTZ1653801010129	HOÀNG ĐỨC THỰC	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
68	DTZ1653801010128	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
69	DTZ1653801010171	HÀ ĐÌNH TIỀN	Luật K14 - B	15	0.27	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
70	DTZ1653801010146	LA THỊ TIỀN	Luật K14 - B	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
71	DTZ1653801010133	HOÀNG THỊ HUYỀN TRANG	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
72	DTZ1653801010144	LY A TRÔNG	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCDK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
73	DTZ1653801010149	LÊ TRỌNG TÚ	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
74	DTZ1653801010162	HOÀNG THỊ UYÊN	Luật K14 - B	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
75	DTZ1653801010221	VI THỊ THU BA	Luật K14 - C	15	0.8	0.73	4	2	Cảnh báo học tập	
76	DTZ1653801010233	GIẢNG THỊ BẰNG	Luật K14 - C	15	0.53	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
77	DTZ1653801010232	TẠ THỊ QUẾ CHI	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
78	DTZ1653801010181	SÙNG A CÚ	Luật K14 - C	15	0.13	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
79	DTZ1653801010187	GIẢNG A DỄ	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
80	DTZ1653801010267	TRIỆU VẠNG DỪNG	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
81	DTZ1653801010199	NGUYỄN VIỆT DỪNG	Luật K14 - C	15	0.4	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
82	DTZ1653801010205	BÙI THỦY DƯƠNG	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
83	DTZ1653801010250	NGUYỄN VĂN ĐÀI	Luật K14 - C	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
84	DTZ1653801010201	BÙI TRUNG ĐỨC	Luật K14 - C	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
85	DTZ1653801010211	VŨ A KHAI	Luật K14 - C	15	0.4	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
86	DTZ1653801010240	PHẠM TÙNG LÂM	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
87	DTZ1653801010266	GIẢNG A NỀ	Luật K14 - C	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
88	DTZ1653801010209	GIẢNG A NỀNH	Luật K14 - C	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
89	DTZ1653801010237	LỖ TRUNG THÀNH	Luật K14 - C	15	0.4	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
90	DTZ1653801010185	LÒ VĂN THU	Luật K14 - C	15	0.53	0.36	2	2	Cảnh báo học tập	
91	DTZ1653801010247	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
92	DTZ1653801010238	LƯÔNG THỊ THANH THỦY	Luật K14 - C	15	0.67	0.55	2	3	Cảnh báo học tập	
93	DTZ1653801010259	BÙI VIỆT TIẾP	Luật K14 - C	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
94	DTZ1653801010347	ĐỖ THỊ CHIÊM	Luật K14 - D	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
95	DTZ1653801010288	VŨ VĂN CUỒNG	Luật K14 - D	15	0.27	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
96	DTZ1653801010337	NGUYỄN TRỌNG DỪNG	Luật K14 - D	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
97	DTZ1653801010344	TRẦN MINH HIẾU	Luật K14 - D	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
98	DTZ1653801010330	PHAN THỊ MAI HƯƠNG	Luật K14 - D	15	0.53	0.73	4	2	Cảnh báo học tập	
99	DTZ1653801010276	LA QUỐC KỶ	Luật K14 - D	15	0.4	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
100	DTZ1653801010275	NGÔ THOẠI KHANH	Luật K14 - D	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
101	DTZ1653801010332	NGUYỄN CẨM NHUNG	Luật K14 - D	15	0.6	0.82	7	1.29	Cảnh báo học tập	
102	DTZ1653801010292	SÙNG A SỂNH	Luật K14 - D	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
103	DTZ1653801010271	NGÔ VĂN THÀNH	Luật K14 - D	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
104	DTZ1653801010341	HOÀNG VĂN TÔN	Luật K14 - D	15	0.4	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
105	DTZ1653801010323	NGUYỄN HÀ TRANG	Luật K14 - D	15	0.8	1.09	6	2	Cảnh báo học tập	
106	DTZ1653801010440	ĐÀO VIỆT ANH	Luật K14 - E	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
107	DTZ1653801010371	VŨ A ANH	Luật K14 - E	15	0.53	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
108	DTZ1653801010425	VÀNG A CHÀ	Luật K14 - E	15	0.27	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
109	DTZ1653801010383	THÀO A CÚ	Luật K14 - E	15	0.4	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
110	DTZ1653801010443	HÀNG A DA	Luật K14 - E	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
111	DTZ1653801010408	HỒ THỊ DÔNG	Luật K14 - E	15	0.27	0.36	2	2	Cảnh báo học tập	
112	DTZ1653801010422	CẨM BẮ ĐỨC	Luật K14 - E	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
113	DTZ1653801010427	HOÀNG VĂN ĐIỀN	Luật K14 - E	15	0.53	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Số TCĐK 1/16-17	Điểm TBC 1/16-17	Điểm TBC TK	Số TCTL TK	Điểm TBTL TK	Mức xử lý	Ghi chú
114	DTZ1653801010432	PHAN QUỐC ĐÔ	Luật K14 - E	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
115	DTZ1653801010426	DƯƠNG NGỌC GIANG	Luật K14 - E	15	0.27	0.36	4	1	Cảnh báo học tập	
116	DTZ1653801010404	GIẢNG A GIỐNG	Luật K14 - E	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
117	DTZ1653801010415	TRANG A HỒ	Luật K14 - E	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
118	DTZ1653801010379	HOÀNG THU HOÀI	Luật K14 - E	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
119	DTZ1653801010441	KHOẢNG THỊ HUẾ	Luật K14 - E	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
120	DTZ1653801010421	LÊ THỊ QUỲNH HƯƠNG	Luật K14 - E	15	0.67	0.55	4	1.5	Cảnh báo học tập	
121	DTZ1653801010442	LÝ MỸ LỖ	Luật K14 - E	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
122	DTZ1653801010368	PHAN VĂN LƯƠNG	Luật K14 - E	15	0.53	0.73	6	1.33	Cảnh báo học tập	
123	DTZ1653801010449	VI ĐỨC MẠNH	Luật K14 - E	15	0.53	0.73	4	2	Cảnh báo học tập	
124	DTZ1653801010374	SÙNG A PHÔNG	Luật K14 - E	15	0.73	1	9	1.22	Cảnh báo học tập	
125	DTZ1653801010429	NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG	Luật K14 - E	15	0.13	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
126	DTZ1653801010377	LÒ VĂN QUÂN	Luật K14 - E	15	0.67	0.55	6	1	Cảnh báo học tập	
127	DTZ1653801010424	CÚ A THÀNH	Luật K14 - E	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
128	DTZ1653801010438	NGUYỄN VĂN THUẬN	Luật K14 - E	15	0.73	1	11	1	Cảnh báo học tập	
129	DTZ1653801010390	NÔNG VĂN VĨNH	Luật K14 - E	15	0.67	0.91	6	1.67	Cảnh báo học tập	
130	DTZ1653801010464	SÙNG THỊ GIÀ	Luật K14 - F	15	0.73	1	9	1.22	Cảnh báo học tập	
131	DTZ1653801010463	CỬ MÍ GIỎ	Luật K14 - F	15	0.4	0.18	2	1	Cảnh báo học tập	
132	DTZ1653801010475	NGUYỄN THỊ THẨM	Luật K14 - F	15	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
133	DTZ1652202010035	PHẠM THẾ KHẢI	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K14	13	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
134	DTZ1652202010034	VI THỊ KIỀU TRINH	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K14	13	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
135	DTZ1652202010025	NGUYỄN ANH TUẤN	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành tiếng Anh du lịch) - K14	18	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
136	DTZ1658501010007	HÀ NGỌC MẠNH	Quản lý tài nguyên và môi trường - K14	18	0.78	0.78	14	1	Cảnh báo học tập	
137	DTZ1658501010006	NGUYỄN DUY QUANG	Quản lý tài nguyên và môi trường - K14	16	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
138	DTZ1655281020010	VY THỊ ANH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	17	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
139	DTZ1655281020048	VƯƠNG ĐÀO	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	10	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
140	DTZ1655281020026	LẠI HỮU ĐỒNG	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	17	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
141	DTZ1655281020028	NGUYỄN QUANG LINH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	17	0.76	0.76	8	1.63	Cảnh báo học tập	
142	DTZ1655281020051	CAM MẶN NGHI	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	7	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
143	DTZ1655281020012	LƯƠNG CHÍ THANH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - K14	17	0	0	0	0	Cảnh báo học tập	
144	DTZ1652203300002	HOÀNG THỊ QUỲNH	Văn học - K14	17	0.35	0.35	4	1.5	Cảnh báo học tập	

Ghi chú:

Số TCĐK 1/16-17: Số tín chỉ đăng kí học kì 1 năm học 2016-2017

Điểm TBC 1/16-17: Điểm trung bình chung học kì 2 năm học 2016-2017

Điểm TBCTK: Điểm trung bình chung toàn khóa

Số TCTLTK: Số tín chỉ tích lũy toàn khóa

Điểm TBTLTK: Điểm trung bình tích lũy toàn khóa